

Phụ lục



ANH SÁCH

Các hộ dân được đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp do ảnh hưởng đợt mưa lụt tháng 11/2025 trên địa bàn xã

Tuy An Bắc

(Kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND xã Tuy An Bắc)

hoa màu: 3 triệu/ha
Cây lâu năm: 6 triệu/ha

STT	Họ và tên	Thôn	Tên cây trồng	Xứ đồng	Thời gian sinh trưởng	Diện tích thiệt hại từ 30%-70% (m ²)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (giấy CNQSD đất nếu có)
1	Huỳnh Ngọc Hoan	Định Trung	Bắp	Đồng Bé	giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	Đất 5%
2	Trần Minh	Định Trung	Mía	Bà Trục	giai đoạn cây con	800,0	240.000	Có GCN
3	Phạm Văn Ngải	Định Trung	Mía	Lò Ngói	giai đoạn cây con	1.215,0	364.500	Có GCN
4	Phạm Thị Xem	Định Trung	Sắn	Đất thổ	giai đoạn cây con	1100	330.000	Có GCN
5	Võ Thị Mai Sương	Định Trung	Sắn	Hồ Heo	giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	Ko có sổ
6	Phạm Thị Qui	Định Trung	Sắn	Hồ Heo	giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	Ko có sổ
7	Huỳnh Văn Toàn	Định Trung	Nghệ	Ngã Hai	giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	Ko có sổ
8	Nguyễn Thị Duy Tâm	Định Trung	Bắp	Đồng Bé	giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	Đất 5%
9	Nguyễn Ngọc Bảo	Định Trung	Bắp	Hóc Bé	giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	Đất 5%
10	Huỳnh Thị Mỹ Hoà	Định Trung	Bắp	Đồng Bé	giai đoạn cây con	2.000,0	600.000	Đất 5%
11	Huỳnh Văn Cường	Định Trung	Bắp	Đồng Bé	giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	Đất 5%
12	Huỳnh Văn Hiếu	Định Trung	Bắp	Đồng Thổ	giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	Mườn
13	Lương Ngọc Chút	Định Trung	Bắp	Hóc Bé	giai đoạn cây con	750,0	225.000	Đất 5%
14	Nguyễn Phong Vinh	Định Trung	Sắn	Trăng Đế	giai đoạn cây con	10.000,0	3.000.000	
15	Nguyễn Phong Vinh	Định Trung	Mía	Trăng Đế	giai đoạn cây con	30.000,0	9.000.000	
16	NGUYỄN DUY NHÂN	Phong Niên	ỚT	ĐẤT VƯỜN	giai đoạn cây con	500,0	150.000	
17	HUỲNH VĂN THỌ	Phong Niên	KHỔ QUA	ĐẬP VỖ	giai đoạn cây con	600,0	180.000	
18	ĐỖ THỊ KIM NHUNG	Phong Niên	MÍA	LỖ LẦY	giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	
19	NGUYỄN KỶ	Phong Niên	XẢ	HỒ CÁT	giai đoạn cây con	500,0	150.000	
20	BÙI THỊ LỘC	Phong Niên	RAU LANG	TRUNG GIANG	giai đoạn cây con	500,0	150.000	
21	BÙI THỊ LỘC	Phong Niên	BÍ CHANH	TRUNG GIANG	giai đoạn cây con	500,0	150.000	

22	BÙI ĐỊCH THANH	Phong Niên	KHOAI TỪ	TRUNG GIANG	giai đoạn cây con	500,0	150.000	
23	BÙI ĐỊCH THANH	Phong Niên	ĐẬU VE	TRUNG GIANG	giai đoạn cây con	500,0	150.000	
24	BÙI ĐỊCH THANH	Phong Niên	DU'A LEO	TRUNG GIANG	giai đoạn cây con	500,0	150.000	
25	NGUYỄN THỊ HẠ CƠ	Phong Niên	BẮP		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
26	Lê Mạnh Quốc	Phong Hậu	Mía	Bồ đề	giai đoạn cây con	15.400,0	4.620.000	
27	Võ Xuân Ân	Phong Hậu	Mía	Hồ rùa	giai đoạn cây con	40.000,0	12.000.000	
28	Võ Văn Kỳ	Phong Hậu	Ngô	Phong Thăng	giai đoạn cây con	10.000,0	3.000.000	
29	Trần Xuân Phước	Cần Lương	Khoai Từ		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
30	Nguyễn Thị Lệ	Cần Lương	Bầu		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
31	Nguyễn Thị Lệ	Cần Lương	mướp		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
32	Nguyễn Thị Lệ	Cần Lương	khổ qua		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
33	Nguyễn Thị Lệ	Cần Lương	sắn nước		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
34	Võ Ngọc Tho	Cần Lương	Bắp		giai đoạn cây con	2.500,0	750.000	
35	Nguyễn Văn Chúng	Cần Lương	Rau		giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	
36	Nguyễn Văn Vương	Cần Lương	Bắp		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	
37	Trần Ngọc Tuấn	Cần Lương	Dưa Leo		giai đoạn cây con	2.500,0	750.000	
38	Trần Xuân Hùng	Cần Lương	Bắp		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
39	Trần Xuân Hùng	Cần Lương	Sắn		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
40	Ngô Đình Ngọc	Cần Lương	Dưa Leo		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
41	Nguyễn Văn Sơn	Cần Lương	Khoai Từ		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
42	Nguyễn Văn Hải	Cần Lương	Dưa leo		giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	
43	Nguyễn Văn Hải	Cần Lương	Khổ qua		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
44	Lê Quán	Cần Lương	Đậu Phộng		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
45	Trần Xuân Long	Cần Lương	Khổ Qua		giai đoạn cây con	783,0	234.900	
46	Nguyễn Văn Lượm	Cần Lương	Dưa Leo		giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	
47	Lê Văn Bình	Cần Lương	Sắn		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
48	Nguyễn Thị Kim Thành	Cần Lương	sắn		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
49	Nguyễn Thị Kim Thành	Cần Lương	Ớt		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
50	Nguyễn Thị Kim Thành	Cần Lương	Đậu cove		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
51	Lê Thị Thắm	Cần Lương	Dưa leo		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
52	Lê Văn Bảy	Cần Lương	Ớt		giai đoạn cây con	750,0	225.000	
53	Nguyễn Tấn Đức	Cần Lương	Sắn		giai đoạn cây con	500,0	150.000	

54	Hồ Thanh Hiệp	Cần Lương	Dưa Leo		giai đoạn cây con	3.300,0	990.000	
55	Trần Ngọc Trâm	Cần Lương	Dưa Leo		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
56	Nguyễn Thị Yên	Cần Lương	Rau		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
57	Nguyễn Bùi Lộc	Cần Lương	Dưa Leo		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
58	Hồ Thanh Hương	Cần Lương	Dưa Leo		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	
59	Đỗ Út	Cần Lương	Bắp		giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	
60	Cao Ngọc Hà	Cần Lương	Ốt		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
61	Huỳnh Ngọc Thanh	Cần Lương	Ốt		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
62	Huỳnh Ngọc Thanh	Cần Lương	Khoai môn		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
63	Hồ Thị Kim Hiếu	Cần Lương	Bắp		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	
64	Nguyễn Văn Thơ	Cần Lương	Dưa leo		giai đoạn cây con	2.500,0	750.000	
65	Nguyễn Văn Thơ	Cần Lương	Sắn		giai đoạn cây con	882,0	264.600	
66	Nguyễn Văn Thơ	Cần Lương	Khoai tư		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
67	Nguyễn Văn Thơ	Cần Lương	Mướp		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	
68	Nguyễn Văn Thơ	Cần Lương	Bắp		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	
69	Trần Văn Chín	Cần Lương	Mướp		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
70	Trần Văn Chín	Cần Lương	Cà		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	
71	Đỗ Minh Phụng	Cần Lương	Sắn nước		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
72	Lê Thị Thắm	Cần Lương	Khoai từ		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
73	Nguyễn Văn Dũng	Cần Lương	Dưa leo		giai đoạn cây con	1.500,0	450.000	
74	Đỗ văn Cu	Cần Lương	Khoai từ		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	
75	Đỗ văn Cu	Cần Lương	Bầu		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
76	Nguyễn Văn Thi	Cần Lương	Mía		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
77	Nguyễn Ngọ	Cần Lương	Mía		giai đoạn cây con	500,0	150.000	0387445726
78	Nguyễn Vang Vinh	Cần Lương	Dưa leo		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	0986224256
79	Lê Sặc	Cần Lương	Mía		giai đoạn cây con	755,0	226.500	
80	Nguyễn Khương	Cần Lương	Sắn		giai đoạn cây con	1.000,0	300.000	0376187130
81	Trần Thanh Tùng	Cần Lương	Sắn		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
82	Trần Ngọc Cao	Cần Lương	Mía		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
83	Nguyễn Công Thành	Cần Lương	Sắn		giai đoạn cây con	1.700,0	510.000	0867476618
84	Trần Thị Thóc	Cần Lương	Mía		giai đoạn cây con	500,0	150.000	0327898045
85	Nguyễn Thanh Thoại	Cần Lương	Ốt		giai đoạn cây con	500,0	150.000	0961176571

86	Nguyễn Thanh Thoại	Cần Lương	Ớt		giai đoạn cây con	500,0	150.000	
87	Lưu Văn Dũng	Định Trung	Chuối	HNK	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
88	Lưu Tiến Mạnh	Định Trung	Mít	Vườn nhà	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
89	Lưu Tiến Mạnh	Định Trung	Bưởi	Vườn nhà	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
90	Phạm Ngọc Thuận	Định Trung	Mít	Thổ cư	thời kỳ kiến thiết	870,0	522.000	Đất 5%
91	Phan Tấn Thành	Định Trung	Dừa	Vườn nhà	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
92	Phan Thanh Từ	Định Trung	Dừa	Thanh Minh	thời kỳ kiến thiết	960,0	576.000	Có GCN
93	Phan Tấn Tùng	Định Trung	Chanh	Vườn nhà	thời kỳ kiến thiết	655,0	393.000	Có GCN
94	Nguyễn Ngọc Khiết	Định Trung	Mít	Vườn nhà	thời kỳ kiến thiết	1.200,0	720.000	Có GCN
95	Ngô Thị Trúc Lang	Định Trung	Chuối	Đồng Thổ	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
96	Phạm Thị Xem	Định Trung	Xoài	Thổ rẫy nhà	thời kỳ kiến thiết	600	360.000	Có GCN
97	Phạm Thị Xem	Định Trung	Chuối	Thổ rẫy nhà	thời kỳ kiến thiết	600	360.000	Có GCN
98	Phạm Thị Xem	Định Trung	Mít	Thổ rẫy nhà	thời kỳ kiến thiết	700	420.000	Có GCN
99	Nguyễn Văn Thân	Định Trung	Dừa	Thổ	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Đất 5%
100	Trần Quang Bình	Định Trung	Khóm	Thổ Sơn	thời kỳ kiến thiết	4.000,0	2.400.000	Ko có sổ
101	Huỳnh Văn Toàn	Định Trung	Mít	Ngã Hai	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Ko có sổ
102	Huỳnh Văn Toàn	Định Trung	Thơm	Ngã Hai	thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	Ko có sổ
103	Huỳnh Văn Toàn	Định Trung	Chuối	Ngã Hai	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Ko có sổ
104	Huỳnh Văn Toàn	Định Trung	Thanh Long	Ngã Hai	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Ko có sổ
105	Nguyễn Thị Thao	Định Trung	Dừa	Đất vườn	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Ko có sổ
106	Nguyễn Thị Thao	Định Trung	Chuối	Đất vườn	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Ko có sổ
107	Võ Thị Thu Sang	Định Trung	Dừa	Đất vườn	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
108	Võ Thị Thu Sang	Định Trung	Dừa	Đất vườn	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
109	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Định Trung	Chuối	Đất vườn	thời kỳ kiến thiết	635,0	381.000	Có GCN
110	Nguyễn Thị Minh Hải	Định Trung	Chuối	Đất nhà	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
111	Võ Ngọc Hoàng	Định Trung	Chuối	Lò Gạch	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
112	Võ Ngọc Hoàng	Định Trung	Mít	Lò Gạch	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
113	Nguyễn Ngọc Hùng	Định Trung	Chuối	Đất nhà	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	Có GCN
114	Nguyễn Ngọc Trung	Định Trung	Mít	Đất vườn	thời kỳ kiến thiết	750,0	450.000	Có GCN(mất)
115	Nguyễn Phong Vinh	Định Trung	Chuối	Trăng Đẻ	thời kỳ kiến thiết	10.000,0	6.000.000	
116	Lê Mạnh Quốc	Phong Hậu	Chuối	Bồ đề	thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
117	Võ Thị Nước	Phong Hậu	Chuối	Hồ ràng	thời kỳ kiến thiết	1.040,0	624.000	GCN

118	Nguyễn Thị Yến	Phong Hậu	Chuối	Bồ đề	thời kỳ kiến thiết	950,0	570.000	
119	Trần Văn Thương	Phong Hậu	Chuối	Cửa lằm	thời kỳ kiến thiết	3.050,0	1.830.000	GCN
120	Đào Minh Trung	Phong Hậu	Chuối	Cửa lằm	thời kỳ kiến thiết	996,0	597.600	GCN
121	Trần Kim Phước	Phong Hậu	Chuối	Đồng hóc	thời kỳ kiến thiết	600,0	360.000	GCN
122	Võ Văn Thái	Phong Hậu	Chuối	Phong Thắng	thời kỳ kiến thiết	2.700,0	1.620.000	
123	Nguyễn V Trạng	Phong Hậu	Chuối	Tam bảo	thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
124	Võ Thị Dương	Phong Hậu	Chuối	Phong Thắng	thời kỳ kiến thiết	600,0	360.000	
125	Đào T Kim Huệ	Phong Hậu	Chuối	Tam bảo	thời kỳ kiến thiết	918,0	550.800	GCN
126	Trần Kim Châu	Phong Hậu	Chuối	Đồng Miếu	thời kỳ kiến thiết	1.463,0	877.800	
127	Lê Hữu Vinh	Phong Hậu	Chuối	Phong Thắng	thời kỳ kiến thiết	1.410,0	846.000	
128	Võ Văn Tuấn	Phong Hậu	Chuối	Phong Thắng	thời kỳ kiến thiết	800,0	480.000	
129	Lê Đăng Khoa	Phong Hậu	Chuối	Phong Thắng	thời kỳ kiến thiết	1.500,0	900.000	
130	Võ Thị Nhung	Phong Hậu	Chuối	Phong Thắng	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	GCN
131	Dương Văn Hôn	Phong Hậu	Chuối	Đồng dôi	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
132	Phan Đăng Minh	Phong Hậu	Chuối	Hồ rắng	thời kỳ kiến thiết	600,0	360.000	
133	Nguyễn Hữu Nhật	Phong Hậu	Mít	Đồng hóc	thời kỳ kiến thiết	5.000,0	3.000.000	
134	Trần Kim Châu	Phong Hậu	Mít	Đồng Miếu	thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
135	Nguyễn Hữu Nhật	Phong Hậu	Khóm	Đồng hóc	thời kỳ kiến thiết	5.000,0	3.000.000	
136	Dương Văn Hôn	Phong Hậu	Dừa	Đồng dôi	thời kỳ kiến thiết	1.500,0	900.000	GCN
137	Phan Bảo Cho	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
138	Nguyễn Mười	Cần Lương	Mít		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
139	Lê Ngọc Sang	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
140	Lương Hữu Phước	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
141	Nguyễn Thị Kim Thành	Cần Lương	chuối		thời kỳ kiến thiết	1.500,0	900.000	
142	Lê Thị Thắm	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
143	Lê Văn Tá	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	700,0	420.000	
144	Trần Văn Châu	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
145	Nguyễn Tấn Đức	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
146	Nguyễn Minh Thủy	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	1.500,0	900.000	
147	Lê Văn Toàn	Cần Lương	Mãng Cầu		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
148	Nguyễn Thị Quanh	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
149	Hồ Đức Trung	Cần Lương	Mít		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	

150	Trần Thị Cúc	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
151	Đỗ Thị Hương	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
152	Thiều Thị Bông	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
153	Ngô Thị Hoa	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
154	Nguyễn Thành Long	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
155	Trần Văn Chín	Cần Lương	Mãng Cầu		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
156	Trần Văn Chín	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	2.500,0	1.500.000	
157	Lê Thị Thắm	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
158	Huỳnh Tuấn Trình	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
159	Nguyễn Văn Chinh	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
160	Nguyễn Thị Chín	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
161	Trần Xuân Phước	Cần Lương	Chuối		giai đoạn cây con	786,0	471.600	
162	Trần Đoàn Nhật	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0327898045
163	Nguyễn Thị Hồng	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0327898045
164	Nguyễn Thị Lanh	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0372779681
165	Đỗ Văn Minh	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
166	Nguyễn Văn Trọng	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
167	Nguyễn Văn Thi	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
168	Nguyễn Ngọc	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
169	Hồ Ngọc Ninh	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0367293080
170	Cao Thị Diễm Thúy	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0327898045
171	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	0337406477
172	Nguyễn Thị Dân	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	750,0	450.000	0827672951
173	Hồ Thị Thiệt	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0827672951
174	Huỳnh Chí Tâm	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	0384339603
175	Huỳnh Chí Tâm	Cần Lương	Xoài		thời kỳ kiến thiết	1.300,0	780.000	
176	Lê Sặc	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	0327264969
177	Mai Văn Đông	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0355237383
178	Thiều Thị Lợi	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
179	Trần Phước Lộc	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0376722098
180	Lê Thị Bạch	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	0972764177
181	Lê Văn Minh	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	0392021412

182	Đỗ Duy Thuệ	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0374974425
183	Đỗ Duy Thuệ	Cần Lương	Mít		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	
184	Bùi Văn Tiến	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	0824981987
185	Lê Văn Long	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	1.270,0	762.000	0985418262
186	Nguyễn Văn Trưóc	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
187	Nguyễn Thị Kim Khan	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	0374345564
188	Lê Đình Phụng	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0869743337
189	Lê Chí Đông	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
190	Huỳnh Cư	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0984285627
191	Huỳnh Cư	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
192	Trần Thị Kim Nga	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	0386702717
193	Trần Thị Mỹ Dung	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0972764171
194	Nguyễn Trọng Nguyên	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0374363285
195	Lê Văn Xự	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	
196	Trần Thanh Tùng	Cần Lương	Xoài		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0329403156
197	Trần Thanh Tùng	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	700,0	420.000	
198	Trần Thanh Tùng	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	
199	Hoàng Trọng Quỳnh	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	0966870464
200	Hồ Thị Quốc	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	750,0	450.000	0867018275
201	Nguyễn Tư	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	
202	Nguyễn Thị Gái	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	550,0	330.000	0359392511
203	Nguyễn Thị Gái	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
204	Lê Ngọc Thảo	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	700,0	420.000	0988856072
205	Nguyễn Văn Minh	Cần Lương	Mít		thời kỳ kiến thiết	1.300,0	780.000	
206	Trần Ngọc Cao	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
207	Trần Ngọc Cao	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
208	Trần Thị Thóc	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
209	Võ Thị Minh	Cần Lương	Dừa		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	0327898045
210	Võ Thị Minh	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
211	Nguyễn Tấn Ngọc	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
212	Cao Hưng	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	750,0	450.000	0385052344
213	Nguyễn Tấn Ngọc	Cần Lương	Chuối		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	

214	HUỖNH LONG	Phong Niên	MÍT	U MIẾU	thời kỳ kiến thiết	1.834,0	1.100.400	
215	TRẦN NGỌC TẮM	Phong Niên	MÍT		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
216	VÕ ĐÔNG BA	Phong Niên	CHUỐI	BẮC LÝ	thời kỳ kiến thiết	2.750,0	1.650.000	
217	ĐỖ THỊ TÌNH	Phong Niên	CHUỐI	PHONG HANH	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
218	NGÔ HỒNG SƠN	Phong Niên	MÍT		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
219	NGUYỄN VĂN CẦN	Phong Niên	MÍT	HỒ CÁT	thời kỳ kiến thiết	2.000,0	1.200.000	
220	NGUYỄN VĂN CẦN	Phong Niên	BUỒI	HỒ CÁT	thời kỳ kiến thiết	1.647,0	988.200	
221	NGUYỄN VĂN CẦN	Phong Niên	XOÀI	HỒ CÁT	thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
222	NGUYỄN VĂN CẦN	Phong Niên	TIÊU	HỒ CÁT	thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
223	LÊ VĂN TỎI	Phong Niên	MÍT	ĐỒNG TRANH	thời kỳ kiến thiết	6.000,0	3.600.000	
224	LÊ VĂN TỎI	Phong Niên	MÍT	U ĐẬP	thời kỳ kiến thiết	2.911,0	1.746.600	
225	LÊ VĂN TỎI	Phong Niên	XOÀI	TUÔNG GIANG	thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
226	LÊ VĂN TỎI	Phong Niên	XOÀI	TUÔNG GIANG	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
227	LÊ THỊ PHƯỢNG	Phong Niên	MÍT	ĐỒNG MŨI	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
228	NGUYỄN KỶ	Phong Niên	MÍT	HỒ CÁT	thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
229	NGUYỄN DẠNG	Phong Niên	CHUỐI		thời kỳ kiến thiết	885,0	531.000	
230	Trị Thị Phương Trà	Phong Niên	CHUỐI		thời kỳ kiến thiết	1.000,0	600.000	
231	NGUYỄN VĂN BA	Phong Niên	CHUỐI		thời kỳ kiến thiết	750,0	450.000	
232	NGUYỄN ĐÌNH MÃO	Phong Niên	MÍT	HỒ CÁT	thời kỳ kiến thiết	2.000,0	1.200.000	
233	HUỖNH THỊ LINH	Phong Niên	CHUỐI		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
234	NGÔ VĂN HÙNG	Phong Niên	CHUỐI	ĐỒNG MŨI	thời kỳ kiến thiết	520,0	312.000	
235	NGUYỄN VĂN THÁI	Phong Niên	CHUỐI		thời kỳ kiến thiết	800,0	480.000	
236	NGUYỄN THỊ HẬU	Phong Niên	CHUỐI		thời kỳ kiến thiết	500,0	300.000	
	Tổng cộng					317.685,0	139.300.500,0	